

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 170/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 7 - 2019
V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quốc Kiệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Hải;

2. Bà Nguyễn Thị Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ tham gia phiên tòa: Ông Lưu Quốc Phú – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ.

Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2019/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2019 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2019/QĐXX-ST ngày 26 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hồ Thị T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp P 2, xã T, huyện Đ, TP. Cần Thơ.

(Có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: Anh Trần Văn A, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp P 2, xã T, huyện Đ, TP. Cần Thơ.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai chị Hồ Thị T trình bày: Qua thời gian tìm hiểu chị Hồ Thị T và anh Trần Văn A tự nguyện tiến tới hôn nhân và làm lễ cưới theo phong tục cổ truyền vào năm 1998, nhưng đến ngày 25/01/2005 tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N (cũ), nay là xã T, huyện Đ, thành phố Cần Thơ. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng phát

sinh mâu thuẫn từ năm 2009 do anh A chỉ lo ăn nhậu, không chăm lo làm ăn, thường xuyên chửi mắng vợ con, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân cách nay hơn 03 năm, thời gian sống ly thân, chị T đã nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả do anh A không sửa đổi. Nên chị Tím có đơn xin ly hôn với anh A.

Về con chung: Chị T và anh A có 02 con chung là Trần Văn N (nam), sinh ngày 15/01/1999, đã trưởng thành và Trần Hữu T (nam), sinh ngày 06/8/2001, chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai anh A trình bày: Anh A thống nhất với lời trình bày của chị T về quá trình tiến tới hôn nhân và cho rằng chị T tự bỏ nhà đi từ tháng 12/2018 ra quận N để buôn bán, vợ chồng không có cãi nhau, nhưng đã sống ly thân từ cuối năm 2018 cho đến nay, anh A vẫn còn thương vợ, nên không đồng ý ly hôn; Về con chung có 02 con chung là Trần Văn N (nam), sinh ngày 15/01/1999, đã trưởng thành và Trần Hữu T (nam), sinh ngày 06/8/2001, trường hợp chị T cương quyết ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Có 01 căn nhà, hiện do anh đang quản lý, không yêu cầu phân chia; Về nợ chung: Không có.

Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh A vắng mặt không lý do, nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Anh A có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Vụ án được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa:

Chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh A; yêu cầu được nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là Trần Hữu T (nam), sinh ngày 06/8/2001 đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Anh A Vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử công bố lời khai của anh A đã được Tòa án ghi nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ trình bày ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký và nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quy định về việc phải có mặt khi Tòa án triệu tập. Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn” là phù hợp; bị đơn có nơi cư trú tại huyện Đ nên Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị T, chị T được ly hôn với anh Trần Văn ; Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Trần Hữu T (nam), sinh ngày 06/8/2001 cho chị T nuôi

dưỡng đến tuổi trưởng thành, ghi nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh A cấp dưỡng cho con chung; Về tài sản chung: Chị T cho rằng không có, anh A cho rằng có 01 căn nhà hiện do anh quản lý, các đương sự không có yêu cầu giải quyết, nên không xem xét; Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Hồ Thị T và anh Trần Văn A, tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị Tím có đơn xin ly hôn với anh A, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Tranh chấp này, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện Đ, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Văn A có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh A theo định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh A tiến tới hôn nhân vào năm 1998, nhưng đến năm 2005 thì đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Chị T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ việc anh A chỉ lo ăn nhậu, không chăm lo làm ăn, thường xuyên chửi mắng vợ con, bất đồng quan điểm sống, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân cách nay hơn 03 năm. Trong thời gian sống ly thân, chị T đã nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả, do anh A không sửa đổi; anh A cho rằng vợ chồng không có cãi nhau, chỉ có chị T tự ý bỏ nhà đi ra quận N để buôn bán và thừa nhận vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2018, nhưng cho rằng vẫn còn thương vợ và không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng anh A vẫn vắng mặt không lý do, điều đó chứng tỏ anh A không quan tâm, cũng như thể hiện sự thiện chí hoặc biện pháp hàn gắn tình cảm cụ thể nào để đoàn tụ với chị T, cháu Trần Hữu T là con của chị T và anh A cũng nhận thấy hôn nhân của cha mẹ cũng không được hạnh phúc. Điều đó chứng tỏ, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh A đã thật sự sâu sắc, trầm trọng, mục đích của hôn nhân là hạnh phúc không đạt được, nên yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: Các đương sự có 02 con chung là Trần Văn N (nam), sinh

ngày 15/01/1999, đã trưởng thành, nên không xem xét. Đối với con chung chưa thành niên là Trần Hữu T (nam), sinh ngày 06/8/2001, chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con. Anh A yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, cháu T có nguyện vọng được chung sống với chị T. Do đó, giao cháu T cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp. Chị T tự nguyện không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con, nên ghi nhận.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh A không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích mọi mặt của của chung, các đương sự có quyền yêu cầu cấp dưỡng và thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung: Chị T cho rằng không có, anh A cho rằng có 01 căn nhà hiện do anh quản lý, các đương sự không có yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Ghi nhận lời khai của các đương sự là không có, nếu sau này các đương sự có phát sinh tranh chấp hoặc có yêu cầu, thì sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[7] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 227, 228; 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, các Điều 51, 56, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin hôn của chị Hồ Thị T với anh Trần Văn A.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị T được ly hôn với anh Trần Văn A.

Về con chung: Chị T được quyền nuôi dưỡng con chung chưa thành niên là Trần Hữu T (nam), sinh ngày 06/8/2001 đến tuổi trưởng thành, chị T không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh A, không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích mọi mặt của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Về nợ chung: Ghi nhận lời khai của các đương sự là không có, nếu sau này các đương sự có phát sinh tranh chấp hoặc có yêu cầu, thì sẽ giải quyết thành vụ án khác.

Về án phí: Chị T chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số 001429 ngày 14/3/2019, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ thành tiền án phí.

Về quyền kháng cáo: Chị Hồ Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh Trần Văn A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :

- Các đương sự,
- VKSND huyện Cờ Đỏ,
- Chi cục THA DS huyện Cờ Đỏ,
- UBND xã T, huyện Cờ Đỏ,
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Quốc Kiệt